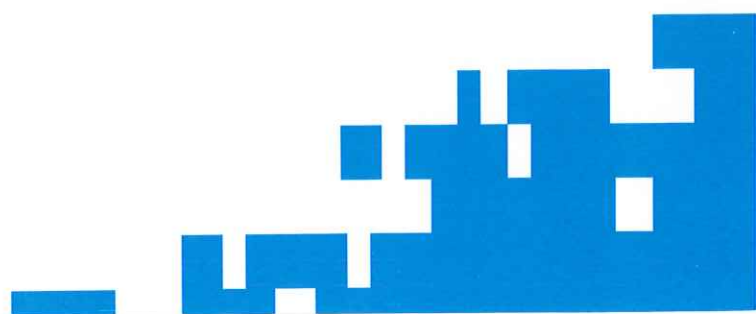


**CÔNG TY CỔ PHẦN  
DƯỢC PHẨM YÊN BÁI**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**  
Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2025



**CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM YÊN BÁI**

Địa chỉ: Số 725, đường Yên Ninh, phường Yên Bái, tỉnh Lào Cai, Việt Nam

<b>MỤC LỤC</b>	<b>TRANG</b>
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	1 - 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3 - 4
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng cân đối kế toán	5 - 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	8 - 9
Bản thuyết minh báo cáo tài chính	10 - 36

361789  
CÔNG TY  
TNHH  
TOÁN & TƯ  
VIỆT NAM  
TỔNG HỢP

0209  
CÔNG T  
CỔ PHẦN  
DƯỢC PH  
YÊN BÁ  
LÀO C

**BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Dược phẩm Yên Bái (dưới đây gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính đính kèm đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025.

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN GIÁM ĐỐC**

Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Hoàng Xuân An	Chủ tịch (Bổ nhiệm ngày 17 tháng 04 năm 2025)
Ông Phạm Thứ Triệu	Chủ tịch (Miễn nhiệm ngày 17 tháng 04 năm 2025)
Bà Hoàng Thị Bình	Phó chủ tịch (Miễn nhiệm ngày 17 tháng 04 năm 2025)
Ông Nguyễn Thái Dương	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 17 tháng 04 năm 2025)
Ông Nguyễn Khắc Hạnh	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 17 tháng 04 năm 2025)
Ông Hoàng Xuân An	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 17 tháng 04 năm 2025)
Ông Nguyễn Huy Thanh	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 17 tháng 04 năm 2025)
	Đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Huy Thanh – Thành viên Hội đồng quản trị theo Giấy ủy quyền ngày 02 tháng 05 năm 2024 (Miễn nhiệm ngày 17 tháng 04 năm 2025)
Bà Khương Thị Mai Lan	Thành viên
Bà Hoàng Kiều Vân	Thành viên
Bà Trương Thị Thuý Nga	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 17 tháng 04 năm 2025)
Ông Đỗ Bảo Long	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 17 tháng 04 năm 2025)

Danh sách các thành viên Ban Kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Bà Nguyễn Thuý Dung	Trưởng ban (Miễn nhiệm ngày 17 tháng 04 năm 2025)
Ông Nguyễn Thanh Hải	Trưởng ban (Bổ nhiệm ngày 17 tháng 04 năm 2025)
Bà Nguyễn Thị Mai Phương	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 17 tháng 04 năm 2025)
Bà Phan Thị Thanh Tài	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 17 tháng 04 năm 2025)
Bà Trương Thị Thuý Nga	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 17 tháng 04 năm 2025)
Bà Hà Thị Hồng Nhung	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 17 tháng 04 năm 2025)

Danh sách các thành viên Ban Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Đỗ Bảo Long	Giám đốc (Miễn nhiệm ngày 24 tháng 03 năm 2026)
Bà Hoàng Kiều Vân	Phó Giám đốc
Bà Lê Thị Thu	Phó Giám đốc

**KIỂM TOÁN VIÊN**

Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam, thành viên RSM Quốc tế.

(Xem trang tiếp theo)

**BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (TIẾP THEO)**

**TRÁCH NHIỆM CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

Hội đồng quản trị Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hằng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Hội đồng quản trị được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ Chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục; và
- Thiết kế và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế sai sót và gian lận.

Hội đồng quản trị chịu trách nhiệm đảm bảo rằng các sổ sách kế toán được ghi chép phù hợp và lưu giữ đầy đủ để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại bất kỳ thời điểm nào và báo cáo tài chính được lập tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam cũng như các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Hội đồng quản trị Công ty cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn tài sản của Công ty và thực hiện những biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và vi phạm khác.

Hội đồng quản trị xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập báo cáo tài chính.

**CÔNG BỐ BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Hội đồng quản trị Công ty công bố rằng, báo cáo tài chính kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2025, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Thay mặt và đại diện cho Hội đồng quản trị,



**Hoàng Xuân An**  
Chủ tịch Hội đồng quản trị

Lào Cai, ngày 31 tháng 03 năm 2026

Số: 639/2026/KT-RSMHCM

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: **Các thành viên Hội đồng quản trị**  
**Các thành viên Ban Giám đốc**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM YÊN BÁI**

### Báo cáo kiểm toán về báo cáo tài chính

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Dược phẩm Yên Bái (dưới đây gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 31 tháng 03 năm 2026 từ trang 05 đến trang 36, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

### Trách nhiệm của Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Hội đồng quản trị xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Hội đồng quản trị cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP THEO)

### Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, báo cáo tài chính đính kèm đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Dược phẩm Yên Bái tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 03 năm 2016 của Bộ Tài chính và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

### KT. TỔNG GIÁM ĐỐC



**Đặng Thị Hồng Loan**  
**Phó Tổng Giám đốc**

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số:  
0425-2023-026-1

**Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam**

TP. Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 03 năm 2026



**Nguyễn Thị Xuân Kiều**  
**Kiểm toán viên**

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số:  
5547-2025-026-1

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31/12/2025

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	TM	Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 01/01/2025
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>52.698.740.027</b>	<b>68.087.668.525</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>		<b>13.600.146.053</b>	<b>1.865.512.502</b>
1. Tiền	111	4.1	13.600.146.053	1.865.512.502
<b>II. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>29.321.119.599</b>	<b>55.165.654.069</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	4.3	28.950.436.011	55.496.586.705
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		742.672.500	227.013.244
3. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	4.4	(371.988.912)	(557.945.880)
<b>III. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>9.667.246.386</b>	<b>10.981.467.910</b>
1. Hàng tồn kho	141	4.5	9.667.246.386	10.981.467.910
<b>IV. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>110.227.989</b>	<b>75.034.044</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		110.227.989	75.034.044
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>68.279.793.752</b>	<b>74.727.306.734</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>146.806.000</b>	<b>146.806.000</b>
1. Phải thu dài hạn khác	216		146.806.000	146.806.000
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>39.894.659.230</b>	<b>43.926.139.308</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	4.7	38.995.344.403	42.814.530.033
Nguyên giá	222		85.056.865.403	86.052.759.040
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(46.061.521.000)	(43.238.229.007)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	4.9	647.548.151	768.392.597
Nguyên giá	225		866.777.778	866.777.778
Giá trị hao mòn lũy kế	226		(219.229.627)	(98.385.181)
3. Tài sản cố định vô hình	227	4.8	251.766.676	343.216.678
Nguyên giá	228		764.700.000	764.700.000
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(512.933.324)	(421.483.322)
<b>III. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>10.080.000.000</b>	<b>10.080.000.000</b>
1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	4.2	10.080.000.000	10.080.000.000
<b>IV. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>18.158.328.522</b>	<b>20.574.361.426</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	4.6	18.158.328.522	20.574.361.426
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)</b>	<b>270</b>		<b>120.978.533.779</b>	<b>142.814.975.259</b>

(Xem trang tiếp theo)

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)**

Tại ngày 31/12/2025

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	TM	Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 01/01/2025
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>31.453.865.950</b>	<b>57.149.068.499</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>29.539.330.694</b>	<b>52.416.012.407</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	4.10	3.188.483.602	8.953.626.085
2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	4.11	576.791.275	220.904.198
3. Phải trả người lao động	314	4.12	1.553.779.757	1.804.028.426
4. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		70.918.541	84.788.023
5. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		28.888.886	28.888.886
6. Phải trả ngắn hạn khác	319		7.760.000	7.760.000
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	4.13	22.581.483.601	39.937.884.445
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	4.14.4	1.531.225.032	1.378.132.344
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>1.914.535.256</b>	<b>4.733.056.092</b>
1. Phải trả dài hạn khác	337		20.444.444	20.444.444
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	4.13	1.894.090.812	4.712.611.648
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>89.524.667.829</b>	<b>85.665.906.760</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	4.14	<b>89.524.667.829</b>	<b>85.665.906.760</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		42.429.000.000	42.429.000.000
Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		42.429.000.000	42.429.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		9.437.130.000	9.437.130.000
3. Cổ phiếu quỹ	415		(22.100.000)	(22.100.000)
4. Quỹ đầu tư phát triển	418		8.165.288.257	8.165.288.257
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		29.515.349.572	25.656.588.503
LNST chưa phân phối lũy kế đến CK trước	421a		25.656.588.503	22.349.952.226
LNST chưa phân phối kỳ này	421b		3.858.761.069	3.306.636.277
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)</b>	<b>440</b>		<b>120.978.533.779</b>	<b>142.814.975.259</b>

Phê duyệt



**Hoàng Xuân An**  
Chủ tịch Hội đồng quản trị

Lào Cai, ngày 31 tháng 03 năm 2026

Người lập

**Nguyễn Thị Mai Phương**  
Kế toán trưởng

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Năm 2025	Năm 2024
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	5.1	53.509.698.051	75.894.541.194
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		30.226.995	182.075.515
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		53.479.471.056	75.712.465.679
4. Giá vốn hàng bán	11	5.2	38.043.951.259	59.185.461.352
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		15.435.519.797	16.527.004.327
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21		172.770.182	45.754.318
7. Chi phí tài chính	22	5.3	2.710.105.337	3.290.293.309
<i>Trong đó, chi phí lãi vay</i>	23		2.710.105.337	3.290.293.309
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	5.4	9.675.488.206	11.063.518.158
9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		3.222.696.436	2.218.947.178
10. Thu nhập khác	31	5.5	1.876.660.736	1.911.057.760
11. Lợi nhuận khác	40		1.876.660.736	1.911.057.760
12. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		5.099.357.172	4.130.004.938
13. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	5.7	1.037.503.415	649.335.173
14. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		4.061.853.757	3.480.669.765
15. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	4.14.4	909	779
16. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	4.14.4	909	779

Phê duyệt



**Hoàng Xuân An**  
**Chủ tịch Hội đồng quản trị**

Lào Cai, ngày 31 tháng 03 năm 2026

Người lập

**Nguyễn Thị Mai Phương**  
**Kế toán trưởng**

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
(Theo phương pháp gián tiếp)  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Năm 2025	Năm 2024
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>				
<b>1. Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>01</b>		<b>5.099.357.172</b>	<b>4.130.004.938</b>
<b>2. Điều chỉnh cho các khoản:</b>				
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	5.6	3.530.960.902	3.291.948.546
Các khoản dự phòng	03	5.6	(185.956.968)	(2.382.639)
(Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(2.049.430.918)	(87.254.318)
Chi phí lãi vay	06	5.3	2.710.105.337	3.290.293.309
<b>3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>		<b>9.105.035.525</b>	<b>10.622.609.836</b>
(Tăng)/giảm các khoản phải thu	09		26.030.491.438	(8.281.932.460)
(Tăng)/giảm hàng tồn kho	10		1.314.221.524	2.152.995.506
Tăng/(giảm) các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		(5.760.839.667)	(3.835.179.765)
(Tăng)/giảm chi phí trả trước	12		755.018.871	731.010.911
Tiền lãi vay đã trả	14		(2.726.474.819)	(3.379.251.405)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	4.11	(933.667.823)	(491.823.386)
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17	4.14.4	(50.000.000)	-
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>27.733.785.049</b>	<b>(2.481.570.763)</b>
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(47.000.000)	(7.791.349.632)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		4.050.000.000	1.154.960.967
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác	23		(10.000.000.000)	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		10.000.000.000	1.000.000.000
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		172.770.182	45.754.318
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>4.175.770.182</b>	<b>(5.590.634.347)</b>

(Xem trang tiếp theo)

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (TIẾP THEO)**  
**(Theo phương pháp gián tiếp)**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Năm 2025	Năm 2024
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>				
1. Tiền thu từ đi vay	33	6.1	43.906.841.514	57.609.257.833
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	6.2	(63.914.250.168)	(50.320.602.659)
3. Tiền chi trả nợ gốc thuê tài chính	35	6.2	(167.513.026)	(273.929.001)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>(20.174.921.680)</b>	<b>7.014.726.173</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG NĂM</b>				
<b>(50 = 20+30+40)</b>	<b>50</b>		<b>11.734.633.551</b>	<b>(1.057.478.937)</b>
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		1.865.512.502	2.922.991.439
<b>TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI NĂM</b>				
<b>(70 = 50+60+61)</b>	<b>70</b>	4.1	<b>13.600.146.053</b>	<b>1.865.512.502</b>

Phê duyệt

Người lập



**Hoàng Xuân An**  
Chủ tịch Hội đồng quản trị

Lào Cai, ngày 31 tháng 03 năm 2026

**Nguyễn Thị Mai Phương**  
Kế toán trưởng

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH****1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP****1.1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Dược phẩm Yên Bái (dưới đây gọi tắt là "Công ty") được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 5200209230 ngày 03 tháng 01 năm 2003 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Yên Bái (nay thuộc tỉnh Lào Cai) cấp và các Giấy phép thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất là vào ngày 05 tháng 08 năm 2025 để cập nhật địa chỉ trụ sở chính và các thông tin của người đại diện theo pháp luật của Công ty.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 42.429.000.000 VND, được chi tiết như sau:

Nhà đầu tư	Quốc gia/ Quốc tịch	Tại ngày 31/12/2025		Tại ngày 01/01/2025	
		Giá trị (VND)	Tỷ lệ (%)	Giá trị (VND)	Tỷ lệ (%)
Công ty Cổ phần Dược phẩm Bến Tre	Việt Nam	34.854.700.000	82,15	34.854.700.000	82,15
Ông Trần Ái Nghĩa	Việt Nam	4.351.000.000	10,25	4.351.000.000	10,25
Tổng Công ty Dược Việt Nam - CTCP	Việt Nam	2.432.200.000	5,73	2.432.200.000	5,73
Các cổ đông khác	Việt Nam	791.100.000	1,87	791.100.000	1,87
<b>Cộng</b>		<b>42.429.000.000</b>	<b>100,00</b>	<b>42.429.000.000</b>	<b>100,00</b>

Trụ sở chính đăng ký hoạt động kinh doanh của Công ty được đặt tại Số 725, đường Yên Ninh, phường Yên Bái, tỉnh Lào Cai, Việt Nam.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 là 89 (01 tháng 01 năm 2025 là 101).

**1.2. Lĩnh vực kinh doanh**

Sản xuất và kinh doanh dược phẩm.

**1.3. Ngành nghề kinh doanh**

Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là bán buôn dược liệu, bán lẻ dược liệu, sản xuất thuốc, hóa dược và dược liệu, bán buôn dược phẩm và dụng cụ y tế, sản xuất các mặt hàng mỹ phẩm, chất tẩy rửa vệ sinh, bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh.

**1.4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

**2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH****2.1. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng**

Báo cáo tài chính được trình bày bằng Đồng Việt Nam ("VND"), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam; Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 03 năm 2016 của Bộ Tài chính, cùng với các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

**2.2. Hình thức sổ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng hình thức kế toán Nhật ký chung.

**2.3. Kỳ kế toán năm**

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

**2.4. Đơn vị tiền tệ trong kế toán**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là VND.

**3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU ĐƯỢC ÁP DỤNG**

**3.1. Các ước tính kế toán**

Việc lập báo cáo tài chính yêu cầu Hội đồng quản trị phải có những ước tính và giả định có ảnh hưởng đến các số liệu về tài sản, nợ phải trả và việc trình bày các tài sản và nợ tiềm tàng tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 cũng như các khoản doanh thu, chi phí cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2025. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Hội đồng quản trị về tất cả những thông tin liên quan có sẵn tại ngày lập báo cáo tài chính, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**3.2. Tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

**3.3. Đầu tư tài chính**

***Các khoản đầu tư vốn vào đơn vị khác***

***Đầu tư khác***

Khoản đầu tư được phân loại là đầu tư khác là các khoản đầu tư ngoài các khoản đầu tư vào công ty con, đầu tư vào công ty liên doanh, và đầu tư vào công ty liên kết.

Các khoản đầu tư khác được phản ánh theo giá gốc, bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư (nếu có). Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí của các khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

***Phương pháp lập dự phòng tổn thất đầu tư tài chính***

***Đối với các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác***

Tại thời điểm lập báo cáo tài chính, dự phòng tổn thất được trích lập khi có cơ sở cho thấy có giá trị suy giảm so với giá trị đầu tư của doanh nghiệp.

Dự phòng tổn thất đối với khoản đầu tư khác được tính dựa trên giá trị hợp lý nếu giá trị hợp lý được xác định một cách đáng tin cậy.

**3.4. Nợ phải thu**

Nợ phải thu được phân loại là phải thu khách hàng và phải thu khác theo nguyên tắc: Phải thu khách hàng là các khoản phải thu có tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua bán hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người mua là đơn vị độc lập với người bán; Các khoản phải thu còn lại được phân loại là phải thu khác.

### **BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Các khoản phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác sau khi trừ đi các khoản dự phòng được lập cho các khoản nợ phải thu khó đòi.

#### ***Nguyên tắc dự phòng nợ phải thu khó đòi***

Tại thời điểm lập báo cáo tài chính, dự phòng nợ phải thu khó đòi được lập cho các khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán và các khoản nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng có khả năng không thu hồi được hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

### **3.5. Hàng tồn kho**

#### ***Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho***

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí khác để mang hàng tồn kho đến đúng điều kiện và địa điểm hiện tại của chúng. Trong trường hợp các sản phẩm được sản xuất, giá gốc bao gồm tất cả các chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung dựa trên tình hình hoạt động bình thường.

Chi phí mua của hàng tồn kho bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho. Các khoản chiết khấu thương mại và giảm giá hàng mua do hàng mua không đúng quy cách, phẩm chất được trừ (-) khỏi chi phí mua.

Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

#### ***Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho***

Giá mua của nguyên vật liệu và hàng hóa được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá gốc của thành phẩm và chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

#### ***Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho***

Tại ngày lập báo cáo tài chính, dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho hàng tồn kho bị hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời, chậm luân chuyển và hàng tồn kho có giá gốc ghi trên sổ kế toán cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

Số tăng hoặc giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được thực hiện trên cơ sở từng mặt hàng tồn kho.

Nguyên liệu, vật liệu và công cụ dụng cụ dự trữ để sử dụng cho mục đích sản xuất ra sản phẩm không được lập dự phòng nếu sản phẩm do chúng góp phần cấu tạo nên sẽ được bán bằng hoặc cao hơn giá thành sản xuất của sản phẩm.

### **3.6. Tài sản cố định hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

***Nguyên tắc ghi nhận và xác định giá trị ban đầu***

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Trường hợp mua tài sản cố định được kèm thêm thiết bị, phụ tùng thay thế thì xác định và ghi nhận riêng thiết bị, phụ tùng thay thế theo giá trị hợp lý và được trừ (-) khỏi nguyên giá tài sản cố định hữu hình.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do các nhà thầu xây dựng bao gồm giá trị công trình hoàn thành bàn giao, các chi phí liên quan trực tiếp khác và thuế trước bạ (nếu có).

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh và chi phí lắp đặt, chạy thử trừ đi giá trị sản phẩm thu hồi trong quá trình chạy thử, sản xuất thử.

***Phương pháp khấu hao***

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng dự tính của tài sản.

Thời gian khấu hao ước tính cho một số nhóm tài sản như sau:

▪ Nhà cửa, vật kiến trúc	10 - 42 năm
▪ Máy móc thiết bị	03 - 10 năm
▪ Phương tiện vận tải truyền dẫn	10 năm
▪ Thiết bị, dụng cụ quản lý	05 - 10 năm

**3.7. Tài sản cố định vô hình**

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

***Nguyên tắc ghi nhận và xác định giá trị ban đầu***

Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sử dụng theo dự tính.

***Nguyên tắc kế toán các tài sản cố định vô hình***

***Phần mềm máy vi tính***

Phần mềm máy vi tính không phải là cấu phần không thể thiếu của phần cứng thì được ghi nhận như tài sản cố định vô hình và được khấu hao theo thời gian sử dụng hữu ích.

***Nhãn hiệu, tên thương mại***

Nhãn hiệu, tên thương mại được ghi nhận ban đầu theo giá mua và được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính.

**3.8. Thuê tài sản**

***Thuê tài chính***

Tài sản thuê tài chính được ghi nhận là tài sản và nợ phải trả trên bảng cân đối kế toán với cùng một giá trị bằng với giá trị hợp lý của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu thuê tài sản.

Nếu giá trị hợp lý của tài sản thuê cao hơn giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu cho việc thuê tài sản thì ghi nhận theo giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Khoản thanh toán tiền thuê tài sản thuê tài chính được chia ra thành chi phí tài chính và khoản phải trả nợ gốc. Chi phí tài chính được tính theo từng kỳ kế toán trong suốt thời hạn thuê theo tỷ lệ lãi suất cố định trên số dư nợ còn lại cho mỗi kỳ kế toán.

Các tài sản đi thuê tài chính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng theo thời gian hữu dụng ước tính tương tự như đối với tài sản thuộc sở hữu của Công ty hoặc theo thời hạn thuê, trong trường hợp thời gian này ngắn hơn, cụ thể như sau:

- Máy móc, thiết bị 04 -10 năm

**3.9. Cho thuê tài sản**

***Cho thuê hoạt động***

Tài sản cho thuê hoạt động được ghi nhận trên bảng cân đối kế toán theo cách phân loại tài sản của Công ty.

Chi phí trực tiếp ban đầu để tạo ra doanh thu từ nghiệp vụ cho thuê hoạt động được ghi nhận ngay vào chi phí trong kỳ khi phát sinh/phân bổ dần vào chi phí trong suốt thời hạn cho thuê theo thời hạn của hợp đồng thuê. Doanh thu cho thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời hạn thuê, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán.

Khấu hao tài sản cho thuê hoạt động được thực hiện trên cơ sở nhất quán với chính sách khấu hao của bên cho thuê áp dụng đối với những tài sản tương tự.

**3.10. Chi phí trả trước**

Chi phí trả trước được phân loại là chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn theo kỳ hạn gốc và chủ yếu là chi phí liên quan đến công cụ, dụng cụ và tiền thuê đất trả trước,... Các khoản này được phân bổ trong thời gian trả trước của chi phí hoặc trong khoảng thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh:

- Tiền thuê đất được phân bổ theo thời hạn thuê là 50 năm;
- Công cụ, dụng cụ được phân bổ dần 03 năm vào kết quả hoạt động kinh doanh;
- Các chi phí dịch vụ khác được phân bổ theo thời gian hữu ích.

**3.11. Nợ phải trả**

Nợ phải trả được phân loại là phải trả người bán và phải trả khác theo nguyên tắc: Phải trả người bán là khoản phải trả có tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua bán hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với người mua; Các khoản phải trả còn lại được phân loại là phải trả khác.

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo, theo nguyên tệ và theo từng đối tượng.

Nợ phải trả được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán.

**3.12. Chi phí đi vay**

***Nguyên tắc vốn hóa chi phí đi vay***

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được vốn hóa vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

**3.13. Nguồn vốn chủ sở hữu**

***Vốn góp của chủ sở hữu***

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

***Thặng dư vốn cổ phần***

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo phần chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu, chênh lệch giữa giá mua lại cổ phiếu quỹ và giá tái phát hành cổ phiếu quỹ.

***Cổ phiếu quỹ***

Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá mua và được trình bày như một khoản giảm vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán.

***Phân phối lợi nhuận***

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được phân phối cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và theo các quy định của pháp luật Việt Nam.

**3.14. Doanh thu, thu nhập khác**

***Doanh thu bán hàng***

Doanh thu bán hàng được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được. Trong hầu hết các trường hợp doanh thu được ghi nhận khi chuyển giao cho người mua phần lớn rủi ro và lợi ích kinh tế gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa.

***Doanh thu cho thuê***

Doanh thu từ tiền cho thuê tài sản theo hợp đồng cho thuê hoạt động được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

***Lãi tiền gửi***

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

**3.15. Giá vốn hàng bán**

Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ là tổng chi phí phát sinh của thành phẩm, hàng hóa, dịch vụ, bất động sản đầu tư. Các khoản chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán.

**3.16. Chi phí tài chính**

Chi phí tài chính phản ánh khoản chi phí phát sinh trong kỳ là chi phí đi vay.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

**3.17. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuế môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, cước chuyển phát nhanh, chi phí bảo vệ,...); chi phí bằng tiền khác.

**3.18. Thuế**

***Thuế thu nhập doanh nghiệp***

*Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành*

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập tính thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành là 20%.

*Chi phí thuế TNDN hoãn lại*

Chi phí thuế TNDN hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất (và các luật thuế) có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả của một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;
- Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào công ty con, chi nhánh, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (lỗ tính thuế) tại thời điểm giao dịch;
- Tài sản thuế hoãn lại cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con, chi nhánh, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh chỉ được ghi nhận khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận chịu thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi giảm đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận là thu nhập hay chi phí để tính lãi, lỗ của kỳ phát sinh, ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh từ một giao dịch hoặc sự kiện được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu trong cùng kỳ hay một kỳ khác.

Công ty chỉ được bù trừ tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại với thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

**Thuế giá trị gia tăng**

Thuế giá trị gia tăng của các hàng hóa và dịch vụ do Công ty cung cấp được tính theo các mức thuế như sau:

- Dược phẩm: 5%;
- Dịch vụ cho thuê: 10%;
- Khác: 10%.

Theo Nghị định số 180/2024/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2024 và Nghị định số 174/2025/NĐ-CP ngày 30 tháng 06 năm 2025 của Chính phủ, Công ty được áp dụng mức thuế suất thuế GTGT 8% cho một số nhóm hàng hóa và dịch vụ theo quy định kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2025 đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2026.

**Các loại thuế khác**

Áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, dẫn đến số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

**3.19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế của Công ty sau khi trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho tổng số bình quân số cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ, không bao gồm số cổ phiếu được Công ty mua lại và giữ làm cổ phiếu ngân quỹ.

**3.20. Lãi suy giảm trên cổ phiếu**

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế của Công ty sau khi trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho tổng số bình quân số cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ và tổng số cổ phiếu phổ thông dự kiến được phát hành thêm, không bao gồm số cổ phiếu được Công ty mua lại và giữ làm cổ phiếu ngân quỹ.

**3.21. Các bên liên quan**

Các bên liên quan là các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty. Công ty liên kết, các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty dẫn đến có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt bao gồm Hội đồng quản trị, các cán bộ điều hành của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này hoặc các công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là các bên liên quan.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

**4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

**4.1. Tiền**

	Tại ngày 31/12/2025 VND	Tại ngày 01/01/2025 VND
Tiền mặt	1.580.120.689	704.569.864
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	12.020.025.364	1.160.942.638
<b>Cộng</b>	<b>13.600.146.053</b>	<b>1.865.512.502</b>

**4.2. Đầu tư tài chính dài hạn**

Đầu tư tài chính dài hạn là khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Ypharco Healthcare ("Ypharco Healthcare"). Vào ngày 31 tháng 12 năm 2025, Công ty sở hữu 10,5% vốn cổ phần của Ypharco Healthcare tương đương 10.080.000.000 VND.

Tại ngày báo cáo này, Công ty đã xác định giá trị hợp lý tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 của khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Ypharco Healthcare là 12.632.449.033 VND theo Báo cáo định giá số C0326085/MOORE AISC-TĐG/BCTV ngày 27 tháng 03 năm 2026 của Công ty TNHH Kiểm toán và Dịch vụ Tin học Moore AISC.

**4.3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

	Tại ngày 31/12/2025 VND	Tại ngày 01/01/2025 VND
Phải thu khách hàng là các bên liên quan – Xem thêm Mục 7	28.433.597.099	54.316.523.355
Các khách hàng khác	516.838.912	1.180.063.350
<b>Cộng</b>	<b>28.950.436.011</b>	<b>55.496.586.705</b>

**4.4. Nợ phải thu khó đòi**

	Tại ngày 31/12/2025 VND		Tại ngày 01/01/2025 VND	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Tổng giá trị các khoản phải thu quá hạn thanh toán theo quy định trích lập dự phòng	371.988.912	-	723.213.350	165.267.470

(Xem trang tiếp theo)

**CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM YÊN BÁI**

Địa chỉ: Số 725, đường Yên Ninh, phường Yên Bái, tỉnh Lào Cai, Việt Nam

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Chi tiết tình hình tăng, giảm dự phòng nợ phải thu khó đòi trong năm như sau:

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Số đầu năm	(557.945.880)	(560.328.519)
Trích lập trong năm	(30.450.000)	(59.862.385)
Hoàn nhập trong năm	216.406.968	62.245.024
<b>Số cuối năm</b>	<b>(371.988.912)</b>	<b>(557.945.880)</b>

Hội đồng quản trị đánh giá khả năng thu hồi các khoản phải thu quá hạn là thấp do các khách hàng này đã không phát sinh giao dịch mua bán với Công ty trong nhiều năm.

Thời gian quá hạn và giá trị các khoản nợ phải thu quá hạn theo từng đối tượng được chi tiết như sau:

	Tại ngày 31/12/2025 VND			Tại ngày 01/01/2025 VND		
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn
Công ty Cổ phần Thương mại Dược phẩm Tâm Phát	193.110.438	-	Trên 03 năm	193.110.438	-	Trên 03 năm
Trung tâm Y tế Thành phố Hòa Bình	80.720.000	-	Trên 03 năm	80.720.000	-	Trên 03 năm
Các khách hàng khác	98.158.474	-	Trên 03 năm	449.382.912	165.267.470	Từ 02 năm đến trên 03 năm
<b>Cộng</b>	<b>371.988.912</b>	<b>-</b>		<b>723.213.350</b>	<b>165.267.470</b>	

(Xem trang tiếp theo)

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)****4.5. Hàng tồn kho**

	Tại ngày 31/12/2025		Tại ngày 01/01/2025	
	VND		VND	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	5.484.762.884	-	8.146.387.616	-
Công cụ, dụng cụ	37.746.257	-	-	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	4.144.737.245	-	2.267.893.058	-
Thành phẩm	-	-	567.187.236	-
<b>Cộng</b>	<b>9.667.246.386</b>	<b>-</b>	<b>10.981.467.910</b>	<b>-</b>

**4.6. Chi phí trả trước dài hạn**

	Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 01/01/2025
	VND	VND
Tiền thuê đất trả trước - Minh Tân (*)	865.696.333	884.932.333
Tiền thuê đất trả trước - Lục Yên	3.131.198.525	3.200.144.041
Tiền thuê đất trả trước - Trụ sở văn phòng (*)	13.629.882.646	13.932.768.922
Tiền thuê đất trả trước - Yên Bình (**)	-	1.655.220.088
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	58.243.924	221.877.503
Chi phí sửa chữa	451.817.557	649.267.124
Chi phí khác	21.489.537	30.151.415
<b>Cộng</b>	<b>18.158.328.522</b>	<b>20.574.361.426</b>

(\*) Các quyền sử dụng đất thuê với giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 là 14.386.446.026 VND được sử dụng để đảm bảo cho khoản vay ngắn hạn và dài hạn của Công ty tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Yên Bái và Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Yên Bái – Xem thêm Mục 4.13.

(\*\*) Trong năm, Công ty đã chuyển nhượng quyền sử dụng đất, tài sản thuộc sở hữu của Công ty gắn liền với đất cho Công ty TNHH Thương mại Thiện Anh theo hợp đồng chuyển nhượng ngày 13 tháng 11 năm 2025 với giá chuyển nhượng là 4.050.000.000 VND.

(Xem trang tiếp theo)

**CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM YÊN BÁI**

Địa chỉ: Số 725, đường Yên Ninh, phường Yên Bái, tỉnh Lào Cai, Việt Nam

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)****4.7. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình**

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Cộng VND
Nguyên giá:					
Tại ngày 01/01/2025	40.941.046.792	43.336.301.730	943.900.000	831.510.518	86.052.759.040
Mua trong năm	-	47.000.000	-	-	47.000.000
Thanh lý, nhượng bán	(1.042.893.637)	-	-	-	(1.042.893.637)
<b>Tại ngày 31/12/2025</b>	<b>39.898.153.155</b>	<b>43.383.301.730</b>	<b>943.900.000</b>	<b>831.510.518</b>	<b>85.056.865.403</b>
Giá trị hao mòn lũy kế:					
Tại ngày 01/01/2025	12.839.637.310	28.630.052.391	943.900.000	824.639.306	43.238.229.007
Khấu hao trong năm	1.056.965.553	2.254.829.689	-	6.871.212	3.318.666.454
Thanh lý, nhượng bán	(495.374.461)	-	-	-	(495.374.461)
<b>Tại ngày 31/12/2025</b>	<b>13.401.228.402</b>	<b>30.884.882.080</b>	<b>943.900.000</b>	<b>831.510.518</b>	<b>46.061.521.000</b>
Giá trị còn lại:					
Tại ngày 01/01/2025	28.101.409.482	14.706.249.339	-	6.871.212	42.814.530.033
<b>Tại ngày 31/12/2025</b>	<b>26.496.924.753</b>	<b>12.498.419.650</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>38.995.344.403</b>

Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ hữu hình là 35.395.875.667 VND đã được dùng để thế chấp, cầm cố, đảm bảo cho các khoản vay – Xem thêm Mục 4.13.

Nguyên giá của TSCĐ hữu hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 21.204.076.984 VND.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

**4.8. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình**

Khoản mục	Nhãn hiệu, tên thương mại VND	Phần mềm máy vi tính VND	Cộng VND
Nguyên giá:			
Tại ngày 01/01/2025	314.500.000	450.200.000	764.700.000
<b>Tại ngày 31/12/2025</b>	<b>314.500.000</b>	<b>450.200.000</b>	<b>764.700.000</b>
Giá trị hao mòn lũy kế:			
Tại ngày 01/01/2025	136.283.322	285.200.000	421.483.322
Khấu hao trong năm	31.450.002	60.000.000	91.450.002
<b>Tại ngày 31/12/2025</b>	<b>167.733.324</b>	<b>345.200.000</b>	<b>512.933.324</b>
Giá trị còn lại:			
Tại ngày 01/01/2025	178.216.678	165.000.000	343.216.678
<b>Tại ngày 31/12/2025</b>	<b>146.766.676</b>	<b>105.000.000</b>	<b>251.766.676</b>

Nguyên giá của TSCĐ vô hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 150.200.000 VND.

**4.9. Tăng, giảm tài sản cố định thuê tài chính**

Khoản mục	Máy móc, thiết bị VND
Nguyên giá:	
Tại ngày 01/01/2025	866.777.778
<b>Tại ngày 31/12/2025</b>	<b>866.777.778</b>
Giá trị hao mòn lũy kế:	
Tại ngày 01/01/2025	98.385.181
Khấu hao trong năm	120.844.446
<b>Tại ngày 31/12/2025</b>	<b>219.229.627</b>
Giá trị còn lại:	
Tại ngày 01/01/2025	768.392.597
<b>Tại ngày 31/12/2025</b>	<b>647.548.151</b>

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

**4.10. Phải trả người bán ngắn hạn**

	Tại ngày 31/12/2025		Tại ngày 01/01/2025	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Công ty TNHH thương mại và sản xuất Đông Âu	1.348.227.045	1.348.227.045	936.932.971	936.932.971
Phải trả cho các đối tượng khác (*)	1.840.256.557	1.840.256.557	8.016.693.114	8.016.693.114
<b>Cộng</b>	<b>3.188.483.602</b>	<b>3.188.483.602</b>	<b>8.953.626.085</b>	<b>8.953.626.085</b>

(\*) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, phải trả cho các đối tượng khác có số dư mỗi đối tượng nhỏ hơn 10% tổng số phải trả người bán ngắn hạn.

**4.11. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

Khoản mục	Tại ngày 31/12/2025 VND	Trong năm		Tại ngày 01/01/2025 VND
		Số phải nộp VND	Số đã nộp VND	
Thuế giá trị gia tăng	249.531.415	978.217.351	728.685.936	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	264.537.100	1.037.503.415	933.667.823	160.701.508
Thuế thu nhập cá nhân	62.722.760	130.864.703	128.344.633	60.202.690
Thuế nhà đất và tiền thuê đất	-	8.994.065	8.994.065	-
Các loại thuế khác	-	9.594.145	9.594.145	-
<b>Cộng</b>	<b>576.791.275</b>	<b>2.165.173.679</b>	<b>1.809.286.602</b>	<b>220.904.198</b>

**4.12. Phải trả người lao động**

Là khoản tiền lương tháng 12 và tiền thưởng còn phải trả cho người lao động tại ngày 31 tháng 12 năm 2025.

(Xem trang tiếp theo)

**CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM YÊN BÁI**

Địa chỉ: Số 725, đường Yên Ninh, phường Yên Bái, tỉnh Lào Cao, Việt Nam

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)****4.13. Vay và nợ thuê tài chính**

	Tại ngày 31/12/2025 VND		Trong năm VND		Tại ngày 01/01/2025 VND	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<b>Ngắn hạn:</b>						
Vay ngân hàng	20.856.962.765	20.856.962.765	43.906.841.514	60.568.250.168	37.518.371.419	37.518.371.419
Vay dài hạn ngân hàng đến hạn trả	1.562.000.000	1.562.000.000	1.562.000.000	2.252.000.000	2.252.000.000	2.252.000.000
Nợ thuê tài chính đến hạn trả	162.520.836	162.520.836	162.520.836	167.513.026	167.513.026	167.513.026
<b>Cộng</b>	<b>22.581.483.601</b>	<b>22.581.483.601</b>	<b>45.631.362.350</b>	<b>62.987.763.194</b>	<b>39.937.884.445</b>	<b>39.937.884.445</b>
<b>Dài hạn:</b>						
Vay ngân hàng	1.678.781.800	1.678.781.800	-	2.656.000.000	4.334.781.800	4.334.781.800
Nợ thuê tài chính	215.309.012	215.309.012	-	162.520.836	377.829.848	377.829.848
<b>Cộng</b>	<b>1.894.090.812</b>	<b>1.894.090.812</b>	<b>-</b>	<b>2.818.520.836</b>	<b>4.712.611.648</b>	<b>4.712.611.648</b>
<b>Tổng cộng</b>	<b>24.475.574.413</b>	<b>24.475.574.413</b>	<b>45.631.362.350</b>	<b>65.806.284.030</b>	<b>44.650.496.093</b>	<b>44.650.496.093</b>

(Xem trang tiếp theo)

**CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM YÊN BÁI**

Địa chỉ: Số 725, đường Yên Ninh, phường Yên Bái, tỉnh Lào Cao, Việt Nam

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Các khoản vay được chi tiết như sau:

	Tại ngày 31/12/2025 VND		Trong năm VND		Tại ngày 01/01/2025 VND	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<b>Ngắn hạn:</b>						
<b>Vay ngân hàng:</b>						
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Yên Bái (i)	20.856.962.765	20.856.962.765	34.626.333.935	48.732.718.697	34.963.347.527	34.963.347.527
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Yên Bái	-	-	9.280.507.579	11.835.531.471	2.555.023.892	2.555.023.892
<b>Vay dài hạn ngân hàng đến hạn trả:</b>						
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Yên Bái (iii)	1.562.000.000	1.562.000.000	1.562.000.000	2.252.000.000	2.252.000.000	2.252.000.000
<b>Nợ thuê tài chính đến hạn trả:</b>						
Công ty cho thuê tài chính TNHH MTV Quốc tế Chailease (iv)	162.520.836	162.520.836	162.520.836	167.513.026	167.513.026	167.513.026
<b>Cộng (1)</b>	<b><u>22.581.483.601</u></b>	<b><u>22.581.483.601</u></b>	<b><u>45.631.362.350</u></b>	<b><u>62.987.763.194</u></b>	<b><u>39.937.884.445</u></b>	<b><u>39.937.884.445</u></b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM YÊN BÁI**

Địa chỉ: Số 725, đường Yên Ninh, phường Yên Bái, tỉnh Lào Cao, Việt Nam

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

	Tại ngày 31/12/2025 VND		Trong năm VND		Tại ngày 01/01/2025 VND	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Dài hạn:						
Vay ngân hàng:						
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Yên Bái (ii)	1.000.000.000	1.000.000.000	-	1.094.000.000	2.094.000.000	2.094.000.000
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Yên Bái (iii)	678.781.800	678.781.800	-	1.562.000.000	2.240.781.800	2.240.781.800
Nợ thuê tài chính:						
Công ty cho thuê tài chính TNHH MTV Quốc tế Chailease (iv)	215.309.012	215.309.012	-	162.520.836	377.829.848	377.829.848
<b>Cộng (2)</b>	<b>1.894.090.812</b>	<b>1.894.090.812</b>	<b>-</b>	<b>2.818.520.836</b>	<b>4.712.611.648</b>	<b>4.712.611.648</b>
<b>Tổng cộng (3) = (1) + (2)</b>	<b>24.475.574.413</b>	<b>24.475.574.413</b>	<b>5.631.362.350</b>	<b>65.806.284.030</b>	<b>44.650.496.093</b>	<b>44.650.496.093</b>

Thông tin chi tiết các khoản vay như sau:

(i) Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Yên Bái:

Hạn mức vay: 35.000.000.000 VND;

Thời hạn vay: 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng (31/07/2025 - 31/07/2026);

Lãi suất: Được xác định trong từng Hợp đồng tín dụng cụ thể theo chế độ lãi suất của Ngân hàng trong từng thời kỳ;

Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động của Công ty;

Tài sản đảm bảo:

- Quyền sử dụng đất và các tài sản gắn liền với đất của Thửa đất số 1, Tờ bản đồ số 218/2013/BĐĐC, Tổ dân phố số 3, Phường Minh Tân, Thành phố Yên Bái, Tỉnh Yên Bái - Xem thêm tại Mục 4.6;
- Quyền sử dụng đất và các tài sản gắn liền với đất của Thửa đất số 1, Tờ bản đồ số 02/2014/BĐĐC, Tổ dân phố số 3, Phường Minh Tân, Thành phố Yên Bái, Tỉnh Yên Bái - Xem thêm tại Mục 4.6;
- Máy móc thiết bị thuộc sở hữu của Công ty - Xem thêm tại Mục 4.7.



## CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM YÊN BÁI

Địa chỉ: Số 725, đường Yên Ninh, phường Yên Bái, tỉnh Lào Cao, Việt Nam

### BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

(ii) Vay dài hạn Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Yên Bái:

Hạn mức vay: 15.000.000.000 VND;  
Thời hạn vay: 84 tháng (09/12/2020 - 09/12/2027);  
Lãi suất: 7,5%/năm;  
Mục đích vay: Hoàn vốn tự có dự án Đầu tư mua sắm Quyền sử dụng đất phục vụ hoạt động sản xuất, kinh doanh thuốc của Công ty Cổ phần Dược phẩm Yên Bái;  
Tài sản đảm bảo: - Quyền sử dụng đất và các tài sản gắn liền với đất của Thửa đất số 1, Tờ bản đồ số 218/2013/BĐĐC, Tổ dân phố số 3, phường Minh Tân, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái (nay thuộc Tổ dân phố số 3, phường Yên Bái, tỉnh Lào Cai) - Xem thêm tại Mục 4.6;  
- Quyền sử dụng đất và các tài sản gắn liền với đất của Thửa đất số 1, Tờ bản đồ số 02/2014/BĐĐC, Tổ dân phố số 3, phường Minh Tân, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái (nay thuộc Tổ dân phố số 3, phường Yên Bái, tỉnh Lào Cai) - Xem thêm tại Mục 4.6;  
- Máy móc thiết bị thuộc sở hữu của Công ty - Xem thêm tại Mục 4.7.

(iii) Vay dài hạn Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Yên Bái:

Hạn mức vay: 16.442.000.000 VND;  
Thời hạn vay: 36 - 60 tháng;  
Lãi suất: 12,5%/năm;  
Mục đích vay: - Dự án cho vay vốn cố định thanh toán tiền thuê đất trả tiền một lần cho toàn bộ thời gian;  
- Dự án cho vay vốn cố định cải tạo, sửa chữa, nâng cấp nhà xưởng sản xuất GMP – WHO;  
- Dự án cho vay vốn cố định đầu tư mua sắm máy móc nâng cấp dây chuyền sản xuất GMP – WHO;  
Tài sản đảm bảo: Máy móc thiết bị thuộc sở hữu của Công ty - Xem thêm tại Mục 4.7.

(Xem trang tiếp theo)

**CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM YÊN BÁI**

Địa chỉ: Số 725, đường Yên Ninh, phường Yên Bái, tỉnh Lào Cao, Việt Nam

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Các khoản nợ thuê tài chính được chi tiết như sau:

	Tại ngày 31/12/2025 VND			Tại ngày 01/01/2025 VND		
	Tổng khoản thanh toán tiền thuê tài chính	Trả tiền lãi thuê	Trả nợ gốc	Tổng khoản thanh toán tiền thuê tài chính	Trả tiền lãi thuê	Trả nợ gốc
Thời hạn:						
Từ 1 năm trở xuống	193.910.295	31.389.459	162.520.836	219.259.297	51.746.271	167.513.026
Trên 1 năm đến 5 năm	235.070.227	19.761.215	215.309.012	428.980.522	51.150.674	377.829.848
<b>Cộng</b>	<b>428.980.522</b>	<b>51.150.674</b>	<b>377.829.848</b>	<b>648.239.819</b>	<b>102.896.945</b>	<b>545.342.874</b>

(iv) Nợ thuê tài chính dài hạn tại Công ty cho thuê tài chính TNHH MTV Quốc tế Chailease theo hai hợp đồng thuê tài chính để thuê máy móc, mỗi hợp đồng có thời hạn 48 tháng, lần lượt bắt đầu từ ngày 05/01/2024 và 05/08/2024, với lãi suất thả nổi theo từng lần thông báo. Tiền thuê và lãi thuê được thanh toán hàng tháng theo thông báo và hóa đơn. Các khoản thuê tài chính này được đảm bảo bằng các khoản ký quỹ, trong đó một hợp đồng có số tiền ký quỹ là 12.300.000 VND và hợp đồng còn lại là 34.506.000 VND - Xem thêm Mục 8.

*(Xem trang tiếp theo)*

**CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM YÊN BÁI**

Địa chỉ: Số 725, đường Yên Ninh, phường Yên Bái, tỉnh Lào Cao, Việt Nam

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)****4.14. Vốn chủ sở hữu****4.14.1. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Các khoản mục thuộc vốn chủ sở hữu					Cộng VND
	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Cổ phiếu quỹ VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	
Tại ngày 01/01/2024	42.429.000.000	9.437.130.000	(22.100.000)	8.165.288.257	22.349.952.226	82.359.270.483
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi năm 2024	-	-	-	-	(174.033.488)	(174.033.488)
Lãi trong năm trước	-	-	-	-	3.480.669.765	3.480.669.765
Tại ngày 01/01/2025	42.429.000.000	9.437.130.000	(22.100.000)	8.165.288.257	25.656.588.503	85.665.906.760
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi năm 2025 (*)	-	-	-	-	(203.092.688)	(203.092.688)
Lãi trong năm nay	-	-	-	-	4.061.853.757	4.061.853.757
<b>Tại ngày 31/12/2025</b>	<b>42.429.000.000</b>	<b>9.437.130.000</b>	<b>(22.100.000)</b>	<b>8.165.288.257</b>	<b>29.515.349.572</b>	<b>89.524.667.829</b>

(\*) Trong năm, Công ty thực hiện trích quỹ khen thưởng, phúc lợi theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 số 176/25/NQ-ĐHCD ngày 17 tháng 04 năm 2025.

(Xem trang tiếp theo)

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

**4.14.2. Cổ phiếu**

	Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 01/01/2025
Số lượng cổ phiếu phổ thông đăng ký phát hành	4.242.900	4.242.900
Số lượng cổ phiếu phổ thông đã bán ra	4.242.900	4.242.900
Số lượng cổ phiếu phổ thông được mua lại (cổ phiếu quỹ)	2.210	2.210
Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	4.240.690	4.240.690

Mệnh giá cổ phần phổ thông đang lưu hành: 10.000 VND/ cổ phần.

**4.14.3. Lãi cơ bản và suy giảm trên cổ phiếu**

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	4.061.853.757	3.480.669.765
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi (*)	(203.092.688)	(174.033.488)
Lợi nhuận sau thuế để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	3.858.761.069	3.306.636.277
Số cổ phần lưu hành bình quân trong năm	4.242.900	4.242.900
<b>Lãi cơ bản và suy giảm trên cổ phiếu</b>	<b>909</b>	<b>779</b>

(\*) Quỹ khen thưởng, phúc lợi được trừ ra khi tính lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu năm 2025 được trích dựa vào tỷ lệ phân bổ lợi nhuận sau thuế theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 số 176/25/NQ-ĐHCĐ ngày 17 tháng 04 năm 2025.

**4.14.4. Các quỹ của doanh nghiệp**

	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ khen thưởng, phúc lợi VND
Tại ngày 01/01/2025	8.165.288.257	1.378.132.344
Trích trong năm	-	203.092.688
Chi trong năm	-	(50.000.000)
<b>Tại ngày 31/12/2025</b>	<b>8.165.288.257</b>	<b>1.531.225.032</b>

(Xem trang tiếp theo)

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

**5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

**5.1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Doanh thu bán thành phẩm	52.468.807.183	70.676.195.738
Doanh thu bán hàng hóa	-	4.417.875.000
Doanh thu cho thuê	1.040.890.868	800.470.456
<b>Cộng</b>	<b>53.509.698.051</b>	<b>75.894.541.194</b>

Trong đó, doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan - Xem thêm Mục 7 53.243.082.128      75.641.921.700

Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ năm nay giảm hơn 29% so với năm trước chủ yếu do sản lượng thành phẩm bán ra giảm đồng thời trong năm không phát sinh hoạt động bán hàng hóa.

**5.2. Giá vốn hàng bán**

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Giá vốn của hàng hóa đã bán	-	4.207.500.000
Giá vốn của thành phẩm đã bán	38.043.951.259	54.977.961.352
<b>Cộng</b>	<b>38.043.951.259</b>	<b>59.185.461.352</b>

Giá vốn năm nay giảm gần 36% so với năm trước là do nhu cầu mua hàng của khách hàng giảm dẫn đến sản lượng thành phẩm bán ra giảm và làm giá vốn tương ứng giảm theo. Bên cạnh đó, do định mức sản xuất ổn định nên chi phí đầu vào ít biến động, trong khi giá bán thành phẩm tăng dẫn đến mức giảm giá vốn lớn hơn so với doanh thu.

**5.3. Chi phí tài chính**

Là chi phí lãi vay phát sinh trong năm.

**5.4. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Chi phí nhân viên quản lý	5.027.635.666	5.218.815.192
Chi phí công cụ, dụng cụ	442.869.673	612.723.678
Chi phí khấu hao tài sản cố định	711.830.755	790.128.565
(Hoàn nhập) dự phòng phải thu khó đòi	(185.956.968)	(2.382.639)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.581.884.835	1.661.501.757
Chi phí bằng tiền khác	1.759.101.745	2.410.731.605
Thù lao Hội đồng quản trị	338.122.500	372.000.000
<b>Cộng</b>	<b>9.675.488.206</b>	<b>11.063.518.158</b>

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)****5.5. Thu nhập khác**

Là khoản lãi từ chuyển nhượng quyền sử dụng đất, tài sản thuộc sở hữu của Công ty gắn liền với đất tại thị trấn Yên Bình, huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái (nay là xã Yên Bình, tỉnh Lào Cai).

**5.6. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố**

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	27.285.001.046	39.492.210.045
Chi phí nhân công	12.481.371.871	13.985.412.629
Chi phí khấu hao tài sản cố định	3.530.960.902	3.291.948.546
(Hoàn nhập) dự phòng phải thu khó đòi	(185.956.968)	(2.382.639)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.934.788.665	3.603.496.123
Chi phí khác bằng tiền	2.982.930.900	6.786.450.030
Chi phí mua hàng hóa	-	4.207.500.000
<b>Cộng</b>	<b>49.029.096.416</b>	<b>71.364.634.734</b>

**5.7. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành được xác định như sau:

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế trong năm	5.099.357.172	4.130.004.938
Cộng: Các khoản điều chỉnh tăng	338.122.500	989.908.576
Trừ: Các khoản điều chỉnh giảm	(249.962.593)	-
Trừ: Thu nhập khác chịu thuế suất 20% (chuyển nhượng bất động sản)	(2.424.179.912)	(1.869.557.760)
Trừ: Lỗ năm trước chuyển sang	-	(1.873.237.647)
Thu nhập tính thuế từ hoạt động kinh doanh	2.763.337.167	1.377.118.107
Thuế suất thuế TNDN hiện hành	20%	20%
Chi phí thuế TNDN từ hoạt động kinh doanh	552.667.433	275.423.621
Cộng: Thuế TNDN từ thu nhập khác (chuyển nhượng bất động sản)	484.835.982	373.911.552
<b>Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành</b>	<b>1.037.503.415</b>	<b>649.335.173</b>

Các khoản điều chỉnh tăng, giảm thu nhập chịu thuế chủ yếu là các khoản mục theo qui định của Luật thuế TNDN không được xem là chi phí/thu nhập khi tính thuế.

(Xem trang tiếp theo)

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

**5.8. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại**

**Chi phí lãi vay vượt ngưỡng quy định**

Công ty được phép chuyển các khoản chi phí lãi vay vượt ngưỡng quy định chưa được trừ khi tính thuế TNDN cho năm hiện tại ("Chi phí lãi vay chưa được trừ") sang năm sau khi xác định tổng chi phí lãi vay được trừ của năm sau. Thời gian chuyển chi phí lãi vay sang năm sau được tính liên tục không quá 5 năm kể từ sau năm phát sinh khoản chi phí lãi vay chưa được trừ đó. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, Công ty có các khoản lãi vay chưa được trừ lũy kế có thể sử dụng trong tương lai như sau:

Năm phát sinh	Có thể được chuyển thành chi phí lãi vay được trừ đến năm	Chi phí lãi vay chưa được trừ phát sinh VND	Chi phí lãi vay chưa được trừ đã chuyển sang kỳ sau tính đến ngày 31/12/2025 VND	Chi phí lãi vay chưa được trừ chưa chuyển sang kỳ sau tại ngày 31/12/2025 VND
2022	2027 (*)	1.738.832.905	249.962.593	1.488.870.312
2023	2028 (*)	824.013.028	-	824.013.028
2024	2029 (*)	617.908.576	-	617.908.576
<b>Cộng</b>		<b>3.180.754.509</b>	<b>249.962.593</b>	<b>2.930.791.916</b>

(\*) Chi phí lãi vay chưa được trừ ước tính theo tờ khai thuế của Công ty chưa được cơ quan thuế thanh tra/kiểm tra vào ngày lập báo cáo tài chính này.

Công ty chưa ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại cho các khoản chi phí lãi vay chưa được trừ trên do không thể dự tính được liệu chi phí lãi vay chưa được trừ này có thể sẽ được sử dụng trong thời gian cho phép còn lại hay không.

**6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO LƯU CHUYÊN TIỀN TỆ**

**6.1. Số tiền đi vay thực thu trong năm**

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	43.906.841.514	57.609.257.833

**6.2. Số tiền đã thực trả gốc vay trong năm**

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	63.914.250.168	50.320.602.659
Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	167.513.026	273.929.001

**7. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN**

**Danh sách các bên liên quan**

**Mối quan hệ**

- |   |                          |
|---|--------------------------|
| 1. Công ty Cổ phần Dược phẩm Bến Tre                | Công ty mẹ               |
| 2. Công ty Cổ phần Ypharco Healthcare               | Cùng chủ sở hữu          |
| 3. Công ty Cổ phần Dược phẩm BHC Việt Nam           | Cùng chủ sở hữu          |
| 4. Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Giám đốc | Nhân sự quản lý chủ chốt |

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Tại ngày lập bảng cân đối kế toán, số dư phải thu với các bên liên quan như sau:

	<b>Tại ngày 31/12/2025 VND</b>	<b>Tại ngày 01/01/2025 VND</b>
<b>Phải thu ngắn hạn khách hàng:</b>		
Công ty Cổ Phần Dược Phẩm Bến Tre	27.636.676.499	46.732.270.963
Công ty Cổ phần Ypharco Healthcare	15.120.000	7.584.252.392
Công ty Cổ phần Dược phẩm BHC Việt Nam	781.800.600	-
<b>Cộng - Xem thêm Mục 4.3</b>	<b><u>28.433.597.099</u></b>	<b><u>54.316.523.355</u></b>

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:

	<b>Năm 2025 VND</b>	<b>Năm 2024 VND</b>
<b>Bán thành phẩm:</b>		
Công ty Cổ Phần Dược Phẩm Bến Tre	51.508.610.269	67.998.483.338
Công ty Cổ phần Dược phẩm BHC Việt Nam	958.284.000	-
<b>Cộng – Xem thêm Mục 5.1</b>	<b><u>52.466.894.269</u></b>	<b><u>67.998.483.338</u></b>

	<b>Năm 2025 VND</b>	<b>Năm 2024 VND</b>
<b>Cung cấp dịch vụ:</b>		
Công ty Cổ Phần Dược Phẩm Bến Tre	720.187.859	547.850.962
Công ty Cổ phần Ypharco Healthcare	56.000.000	-
<b>Cộng – Xem thêm Mục 5.1</b>	<b><u>776.187.859</u></b>	<b><u>547.850.962</u></b>

	<b>Năm 2025 VND</b>	<b>Năm 2024 VND</b>
<b>Hàng bán bị trả lại:</b>		
Công ty Cổ Phần Dược Phẩm Bến Tre	30.226.995	182.075.515
<b>Cộng</b>	<b><u>30.226.995</u></b>	<b><u>182.075.515</u></b>

	<b>Năm 2025 VND</b>	<b>Năm 2024 VND</b>
<b>Cho vay:</b>		
Công ty Cổ Phần Dược Phẩm Bến Tre	10.000.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b><u>10.000.000.000</u></b>	<b><u>-</u></b>

	<b>Năm 2025 VND</b>	<b>Năm 2024 VND</b>
<b>Nhận lại khoản cho vay:</b>		
Công ty Cổ Phần Dược Phẩm Bến Tre	10.000.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b><u>10.000.000.000</u></b>	<b><u>-</u></b>

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Lãi cho vay:		
Công ty Cổ Phần Dược Phẩm Bến Tre	170.958.905	-
	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND

Nhận lãi cho vay:		
Công ty Cổ Phần Dược Phẩm Bến Tre	170.958.905	-

Lương, thù lao và các khoản chi phí khác của các thành viên Hội đồng quản trị ("HĐQT"), Ban Kiểm soát và Ban Giám đốc của Công ty trong năm như sau:

Tên	Chức vụ	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Ông Hoàng Xuân An	Chủ tịch HĐQT (Bổ nhiệm ngày 17 tháng 04 năm 2025)	97.347.000	60.000.000
Ông Phạm Thứ Triệu	Chủ tịch HĐQT (Miễn nhiệm ngày 17 tháng 04 năm 2025)	45.306.100	120.000.000
Bà Hoàng Thị Bình	Phó chủ tịch HĐQT (Miễn nhiệm ngày 17 tháng 04 năm 2025)	215.663.300	559.700.000
Ông Nguyễn Thái Dương	Thành viên HĐQT (Bổ nhiệm ngày 17 tháng 04 năm 2025)	37.346.900	-
Ông Nguyễn Khắc Hanh	Thành viên HĐQT (Miễn nhiệm ngày 17 tháng 04 năm 2025)	22.653.100	60.000.000
Ông Nguyễn Huy Thanh	Thành viên HĐQT (Miễn nhiệm ngày 17 tháng 04 năm 2025)	-	25.000.000
Bà Khương Thị Mai Lan	Thành viên HĐQT (Miễn nhiệm ngày 17 tháng 04 năm 2025)	22.653.100	35.000.000
Bà Hoàng Kiều Vân	Thành viên HĐQT, Phó Giám đốc	466.489.300	462.649.500
Bà Trương Thị Thuý Nga	Thành viên HĐQT (Bổ nhiệm ngày 17 tháng 04 năm 2025)	41.877.500	12.000.000
Ông Đỗ Bảo Long	Thành viên HĐQT (Bổ nhiệm ngày 17 tháng 04 năm 2025) kiêm Giám đốc (Miễn nhiệm ngày 24 tháng 03 năm 2026)	526.121.000	572.316.000
Bà Phạm Thị Phương Thảo	Thư ký HĐQT	36.000.000	36.000.000
Bà Nguyễn Thuý Dung	Trưởng ban Ban kiểm soát (Miễn nhiệm ngày 17 tháng 04 năm 2025)	9.061.200	24.000.000
Ông Nguyễn Thanh Hải	Trưởng ban Ban kiểm soát (Bổ nhiệm ngày 17 tháng 04 năm 2025)	14.938.800	-
Bà Nguyễn Thị Mai Phương	Thành viên Ban kiểm soát (Bổ nhiệm ngày 17 tháng 04 năm 2025)	7.469.400	-
Bà Phan Thị Thanh Tài	Thành viên Ban kiểm soát (Bổ nhiệm ngày 17 tháng 04 năm 2025)	7.469.400	-
Bà Hà Thị Hồng Nhung	Thành viên Ban kiểm soát (Miễn nhiệm ngày 17 tháng 04 năm 2025)	71.073.700	129.467.800
Bà Lê Thị Thu	Phó Giám đốc	448.645.300	443.665.900
<b>Cộng</b>		<b>2.070.115.100</b>	<b>2.539.799.200</b>

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)****8. CÁC NGHĨA VỤ THEO HỢP ĐỒNG THUÊ TÀI CHÍNH**

Công ty đang thuê máy móc thiết bị với thời gian sử dụng ước tính từ 48 - 120 tháng theo hợp đồng thuê tài chính với thời hạn 48 tháng. Các khoản nợ thuê tài chính tối thiểu phải trả trong tương lai đã được trình bày ở Mục 4.13.

**9. CAM KẾT THEO CÁC HỢP ĐỒNG THUÊ HOẠT ĐỘNG**

Công ty cho thuê nhà theo các hợp đồng thuê hoạt động. Các hợp đồng cho thuê có kỳ hạn trung bình từ 03 đến 06 năm, với tiền cho thuê cố định mỗi năm.

	<b>Năm 2025 VND</b>	<b>Năm 2024 VND</b>
Doanh thu cho thuê hoạt động ghi nhận trong năm	263.515.142	251.434.334
Tại ngày 31/12/2025, Công ty có các khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu trong tương lai của các hợp đồng thuê hoạt động không huỷ ngang theo các thời hạn:		
	<b>Tại ngày 31/12/2025 VND</b>	<b>Tại ngày 01/01/2025 VND</b>
Từ 1 năm trở xuống	286.666.656	250.266.656
Trên 1 năm đến 5 năm	456.492.819	508.723.991
<b>Cộng</b>	<b><u>743.159.475</u></b>	<b><u>758.990.647</u></b>

**10. CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH**

Không có vấn đề hoặc tình huống nào khác phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính có ảnh hưởng trọng yếu hoặc có thể có ảnh hưởng trọng yếu đến hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh hoặc tình hình của Công ty.

**Phê duyệt**

**Hoàng Xuân An**  
Chủ tịch Hội đồng quản trị

Lào Cai, ngày 31 tháng 03 năm 2026

**Người lập**

**Nguyễn Thị Mai Phương**  
Kế toán trưởng